TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107**/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 24 - 9 - 2022
V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điểu Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đức Hoà
2. Ông Trần Quang Cường
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B không tham gia phiên tòa:

Ngày 24 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 96/2022/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Vũ Thị H; Sinh năm: 1975
Trú tại: thôn 1, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước
- Bị đơn: ông Đoàn Việt D; Sinh năm: 1973
Địa chỉ: thôn 1, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà Vũ Thị H và ông Đoàn Việt D tự nguyện chung sống vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định do không hiểu biết pháp luật. Chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống hai bên thường xuyên cải nhau. Vì vậy, bà H không thể tiếp tục chung sống với ông D nên vẫn yêu cầu Toà án giải quyết không công nhân quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Thị Mỹ L; sinh ngày: 20/01/1999 và Đoàn Vũ Anh K, sinh ngày: 19/12/2007. Do cháu L đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng và nuôi dưỡng. Đối với cháu K bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng, về cấp dưỡng bà không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đoàn Việt D trình bày*: ông D hoàn toàn đồng ý với lời trình bày trên của bà H về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn. Ông D thừa nhận trong thời gian chung sống giữa ông D và bà H có mâu thuẫn xảy ra như bà H trình bày là đúng. Bà H yêu cầu Toà án tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Thị Mỹ L; sinh ngày: 20/01/1999 và Đoàn Vũ Anh K, sinh ngày: 19/12/2007. Do cháu L đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng và nuôi dưỡng. ông đồng ý giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi cháu K thành niên. Về cấp dưỡng tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: không có, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do bận công việc nên ông D xin vắng mặt trong các buổi làm việc, hoà giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Vũ Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn ông Đoàn Việt D theo quy định. Do bị đơn ông Đoàn Việt D có nơi cư trú tại thôn 1, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Về mâu thuẫn gia đình: ông Đoàn Việt D và bà Vũ Thị H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn nên không thể tiếp tục chung sống với nhau. Do bà H và ông D chung sống không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D không hợp pháp nên không được pháp luật thừa nhận. Theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo*

quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này". Do đó, yêu cầu của nguyên đơn bà H đề nghị Tòa án tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng được chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Đoàn Thị Mỹ Linh; sinh ngày: 20/01/1999 và Đoàn Vũ Anh Khôi, sinh ngày: 19/12/2007. Do cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng và nuôi dưỡng. Đối với cháu Khôi, nguyên đơn có nguyện vọng nuôi dưỡng, bị đơn ông D đồng ý. Vì vậy, cần ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc giao cháu Vũ Anh K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định. Về cáp dưỡng các bên tự thoả thuận nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà H phải chịu theo luật định.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H về việc không công nhận quan hệ vợ chồng. Bà Vũ Thị H không phải là vợ chồng với ông Đoàn Việt D.

[2]. Về con chung: Giao cháu Đoàn Vũ Anh K, sinh ngày: 19/12/2007 cho bà Vũ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên.

Ông Đoàn Việt D có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản, vì quyền lợi của con chưa thành niên, người không trực tiếp nuôi con có quyền làm đơn thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với cháu Đoàn Thị Mỹ L; sinh ngày: 20/01/1999. Do cháu đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

[3]. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn bà Vũ Thị H phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000430 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Điểu Thị Hạnh